

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
(1994-1995)

ĐỀ TÀI
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BIỂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: GS. TS. ĐẶNG NGỌC THANH

PHÓ CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI: PTS. NGUYỄN VĂN TIẾN

CN. VÕ SĨ TUẤN.

THƯ KÝ ĐỀ TÀI:

PTS. NGUYỄN HUY YẾT

CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI:

PHÂN VIỆN HẢI DƯƠNG HỌC TẠI HẢI PHÒNG

HẢI PHÒNG 1996

9626

21/7/96

ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một quốc gia có vùng biển rộng ở phía đông và nam, tài nguyên và điều kiện thiên nhiên biển có một vai trò cực kỳ quan trọng đối với an ninh quốc phòng, phát triển kinh tế xã hội, đời sống nhân dân từ bao đời nay. Vì vậy, vấn đề bảo vệ tài nguyên và môi trường biển, bảo tồn các di sản thiên nhiên, văn hóa lịch sử của biển có một ý nghĩa quan trọng cả về tinh thần và vật chất. Một trong những biện pháp hàng đầu là thiết lập và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên biển, có chức năng và nhiệm vụ khác nhau, để thực hiện chiến lược bảo vệ đa dạng sinh học, an toàn môi trường môi trường biển, phát triển bền vững tài nguyên và môi trường sinh thái biển để sử dụng lâu dài.

Ở nước ta, những ý tưởng về bảo tồn thiên nhiên biển đã được đề xuất từ những năm 80, từ đó đã có những hoạt động điều tra nghiên cứu để có được cơ sở khoa học cho việc lập luận chứng thiết lập và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên biển. Hoạt động này được đẩy mạnh vào những năm 1990 - 1995, sau khi có quyết định thiết lập các khu bảo tồn thiên nhiên đảo (Cát Bà và Côn Đảo) bao gồm cả một phần biển. Đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, quan hệ hợp tác quốc tế được mở rộng, có sự hỗ trợ và hợp tác của các tổ chức quốc tế như IUCN, WWF, các hoạt động khảo sát trong lĩnh vực được tăng cường, với những phương pháp nghiên cứu ngày càng được nâng cao, các hoạt động này đã cho những tư liệu kết quả điều tra khảo sát ở nhiều khu vực biển có giá trị và điều kiện để xây dựng thành các khu bảo tồn thiên nhiên biển thực thụ ở nước ta, như Cát Bà, Cô Tô, Hòn Mun, Hòn Cau, Côn Đảo... Các tư liệu này trong thời gian qua cũng đã đáp ứng một phần yêu cầu công tác này ở các ngành.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của công tác bảo tồn thiên nhiên biển được đặt ra ngày càng cấp bách trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên biển cần được đặt ra khẩn trương hơn cũng như ở trình độ cao hơn, nhằm thực sự góp phần có hiệu quả vào công việc bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên biển, đóng góp tích cực vào công ước đa dạng sinh học, Rio De Janeiro, 1992 của Liên Hiệp Quốc mà nước ta đã tham gia. Để đạt mục tiêu nói trên, yêu cầu hiểu biết, đánh giá sâu sắc, đầy đủ, đặc trưng điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, hiện trạng và các mối đe dọa... Các khu bảo tồn thiên nhiên hiện đã được Nhà nước xác định hoặc sẽ được xác định, trên cơ sở đó, tổ chức việc quản lý, sử dụng có hiệu quả, phù hợp với các tiêu chuẩn, qui chế, luật pháp quốc tế, cần được thực hiện khẩn trương hơn với phương pháp ở trình độ cao hơn và có hệ thống hơn.

Đề tài “Bảo tồn thiên nhiên biển “trong Chương trình biển và hải đảo do Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia tổ chức thực hiện và quản lý được đặt ra nhằm đáp ứng yêu cầu trên.

MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI.

1. Tập hợp, bổ xung và hệ thống hóa các tư liệu về các khu vực biển có điều kiện thiết lập khu bảo tồn thiên nhiên biển, trên cơ sở đó đề xuất hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên biển nước ta.

2. Xây dựng luận chứng khoa học kỹ thuật cho một số khu bảo tồn thiên nhiên biển ưu tiên, tiêu biểu cho các vùng biển nước ta (Cát Bà, Hòn Mun, Côn Đảo).

3. Nghiên cứu thử nghiệm phục hồi một số đối tượng sinh vật biển đang có hiện tượng giảm sút số lượng, tìm hiểu khả năng phục hồi một số đối tượng nghiên cứu (san hô, hải sâm, thân mềm ở khu vực Cát Bà và Hòn Mun).

CÁC HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU CỦA ĐỀ TÀI.

Trong năm 1994 - 1995 đề tài đã tổ chức nhiều chuyến khảo sát ở khu vực biển Cát Bà, Hòn Mun, Côn Đảo nhằm thực hiện các nhiệm vụ:

1. Bổ xung để hoàn thiện các tư liệu về các yếu tố điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội có liên quan tới nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên ở các khu vực biển này.

2. Trên cơ sở này, tiến hành nghiên cứu tổng hợp để có được những kết luận, nhận định xác đáng về đặc trưng môi trường sinh thái, các mối đe dọa suy thoái môi trường, điều kiện kinh tế xã hội, hiện trạng đa dạng sinh học, dự báo phát triển và tác động đối với tài nguyên môi trường ở các khu vực biển nói trên.

3. Nghiên cứu các vấn đề về phương pháp luận, qui trình thiết lập, quản lý, sử dụng các khu bảo tồn thiên nhiên biển. Vận dụng vào việc xây dựng các cơ sở khoa học cho việc thiết lập và quản lý các khu bảo tồn Cát Bà, Hòn Mun, Côn Đảo phù hợp với các chỉ dẫn của các Tổ chức Quốc tế. Soạn thảo luận chứng khoa học kỹ thuật cho việc thiết lập và quản lý các khu bảo tồn cát bà, hòn Mun, Côn Đảo.

4. Tập hợp, chỉnh lý các tư liệu hiện có, bổ xung trong khả năng cho phép, hệ thống hóa và đề xuất ý kiến về hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên biển Việt Nam phù hợp với điều kiện tự nhiên và hiện trạng đa dạng sinh học tình hình phát triển kinh tế xã hội nước ta.

5. Nghiên cứu thí nghiệm nuôi trong điều kiện bán tự nhiên nhằm tìm hiểu khả năng phục hồi một số đối tượng sinh vật biển đang có xu thế giảm sút số lượng ở cát Bà và hòn Mun, nhằm mở ra hướng nghiên cứu phục hồi sinh vật biển (san hô, hải sâm, trai ngọc, tu hài, bào ngư, rong biển).

Trong các hoạt động khảo sát này đã có sự hỗ trợ của tổ chức WWF trong các chuyến khảo sát Hòn Mun, Côn Đảo.

Với những hoạt động nói trên, có thể nói rằng lần đầu tiên công tác nghiên cứu phục vụ bảo tồn thiên nhiên biển ở nước ta đã được tổ chức thực hiện có qui mô rộng, tập trung và có hệ thống về nội dung và địa điểm, với các phương pháp tiêu chuẩn. Các kết quả thu được của đề tài, mặc dù còn những mặt hạn chế chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hiện nay, song có thể coi là một đóng góp có giá trị, có tác dụng thúc đẩy đối với công tác bảo tồn thiên nhiên biển ở nước ta.

LỰC LƯỢNG THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI.

I. BAN CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI.

Chủ nhiệm đề tài: GS.TS. Đặng Ngọc Thanh

Phó chủ nhiệm đề tài: PTS. Nguyễn Văn Tiến

Phó chủ nhiệm đề tài: CN. Võ Sĩ Tuấn

Thư ký đề tài: PTS. Nguyễn Huy Yết

II. CÁN BỘ THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI.

1. Môi trường sinh thái khu bảo tồn biển Cát Bà.

Nguyễn Quang Tuấn - Đỗ Đình Chiến - Phạm Văn Lương - Trần Đình Lân - Nguyễn Hữu Cử - PTS. Nguyễn Đức Cự - PTS. Nguyễn Văn Tiến - PTS. Nguyễn Chu Hồi

2. Đặc điểm kinh tế xã hội và ảnh hưởng các hoạt động nhân sinh.

PTS. Trần Đức Thạnh - Nguyễn Hữu Cử

3. Đa dạng sinh học và phân vùng chức năng khu bảo tồn biển Cát Bà.

Chu Văn Thuộc - Nguyễn Thị Thu - Đàm Đức Tiến - PTS. Nguyễn Văn Tiến - Lê Thị Thanh - PTS. Nguyễn Huy Yết - Phạm Đình Trọng - Lãng Văn Kèn - PTS. Nguyễn Nhật Thi

4. Thử nghiệm khả năng phục hồi một số sinh vật biển ở vùng biển Cát Bà.

Lãng Văn Kèn - PTS. Nguyễn Huy Yết - Lê Thị Thúy - Phạm Đình Trọng - Hà Đức Thắng - Nguyễn Quang Tuấn - Lê Thị Thanh - PTS. Nguyễn Văn Tiến - Đàm Đức Tiến.

5. Điều tra khảo sát vùng biển Côn Đảo.

Võ Sĩ Tuấn - Phan Kim Hoàng - Nguyễn Ngọc Lâm - Hứa Thái Tuyến - Nguyễn Trung Tĩnh - Nguyễn Hữu Phụng - Nguyễn Văn Long - Phạm Văn Thơm

6. Thử nghiệm khả năng phục hồi bào ngư ở Hòn Mun.

PTS. Nguyễn Văn Chung và cộng sự...

7. Soạn thảo tư liệu về các khu bảo tồn thiên nhiên biển vùng phía bắc.

PTS. Nguyễn Huy Yết - PTS. Nguyễn Văn Tiến

8. Soạn thảo tư liệu về khu bảo tồn quần đảo Trường Sa.

CN. Lãng Văn Kèn.

9. Soạn thảo tư liệu về các khu bảo tồn biển đề nghị ở vùng phía nam.

CN. Võ Sĩ Tuấn (chủ biên)

10. Soạn thảo luận chứng KHKT cho việc thiết lập khu bảo tồn biển Cát Bà

GS.TS. Đặng Ngọc Thanh - PTS. Nguyễn Văn Tiến

11. Soạn thảo luận chứng KHKT cho việc thiết lập khu bảo tồn biển Hòn Mun và Côn Đảo.

CN. Võ Sĩ Tuấn

12. Soạn Thảo cơ sở khoa học của việc xây dựng hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên biển Việt Nam.

GS.TS. Đặng Ngọc Thanh - PTS. Nguyễn Chu Hồi - PTS. Nguyễn Huy Yết - CN. Võ Sĩ Tuấn.

III. CƠ QUAN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI.

Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng.

TRUNG TÂM KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
CHƯƠNG TRÌNH BIỂN VÀ HẢI ĐẢO
1994-1995

ĐỀ TÀI

BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BIỂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

VI

LUẬN CHỨNG KHOA HỌC KỸ THUẬT CHO VIỆC THIẾT LẬP VÀ
QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BIỂN CÁT BÀ (HẢI PHÒNG)

GSTS ĐẶNG NGỌC THANH
PTS NGUYỄN VĂN TIẾN

HẢI PHÒNG 1996

2626-1/3

217/96

MỤC LỤC

ĐỀ MỤC

Số trang

Phần I

Mở đầu

I	Tính cấp thiết của việc thành lập khu bảo tồn thiên nhiên biển Cát Bà	1
II	Cơ sở tài liệu của luận chứng	3
III	Các tài liệu sản phẩm của luận chứng	4

Phần II

Cơ sở khoa học của việc thiết lập và tổ chức quản lý khu bảo tồn biển Cát Bà

I	Chức năng và nhiệm vụ	5
II	Cơ sở khoa học của việc thiết lập khu bảo tồn biển Cát Bà	6
III	Cơ sở khoa học của việc tổ chức quản lý khu bảo tồn biển Cát Bà	25

Phần III.

Tổ chức quản lý khu bảo tồn biển Cát Bà

I	Mục tiêu và yêu cầu quản lý	33
II	Hiện trạng tính hình quản lý	34
III	Cơ chế và các biện pháp quản lý kiến nghị	37
	Tài liệu sử dụng	40

LUẬN CHỨNG KHOA HỌC KỸ THUẬT CHO VIỆC THIẾT LẬP VÀ QUẢN LÝ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BIỂN CÁT BÀ (HẢI PHÒNG - VIỆT NAM)

Phân I - MỞ ĐẦU

I. TÍNH CẤP THIẾT CỦA VIỆC THÀNH LẬP KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BIỂN CÁT BÀ

Từ cuối những năm 70 cùng với những pháp lệnh, chỉ thị cấp bách về việc bảo vệ tài nguyên, môi trường nước ta đang bị phá hoại ngày một nghiêm trọng, Nhà nước ta đã có những quyết định xác định 87 khu bảo tồn thiên nhiên trên toàn lãnh thổ, cả trên đất liền và trên đảo, trong đó có đảo Cát Bà. Năm 1986, theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 79/CT ngày 31/03/1986 khu bảo tồn này trở thành Vườn Quốc gia Cát Bà, bao gồm một phần rừng núi có diện tích 9.800 ha và diện tích mặt nước 5.400 ha nằm trong khu vực có tọa độ 20 43' 50" N - 20 51' 29" N độ vĩ bắc và 106 58'20" E - 107 10' 05" E độ kinh đông. Ngoài ranh giới trên còn có một số khu vực bảo vệ riêng như: Áng Thảm, Bù Lâu và một số bãi tắm: Cát Dừa, Cát Cò, Đường Gianh. Tiếp theo quyết định này, Quyết định 237/CT của Chủ tịch HĐBT ngày 01/08/1991 phê duyệt luận chứng kinh tế - kỹ thuật Vườn Quốc gia Cát Bà của Bộ Lâm nghiệp là Bộ chủ quản trình Chính phủ lại đã xác định cụ thể hơn phạm vi quản lý của Vườn, bao gồm cả diện tích vùng đệm là dải đất và vùng mặt nước bao quanh Vườn rộng từ 1km - 3km tính từ ranh giới Vườn trở ra. Quyết định cũng xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, các phân khu chức năng của Vườn bao gồm khu bảo vệ nghiêm ngặt, khu phục hồi sinh thái, khu hành chính, khu đệm.

Việc thiết lập một khu bảo tồn thiên nhiên đảo như Cát Bà thành Vườn Quốc gia là một quyết định đúng đắn và kịp thời của Nhà nước ta về mặt bảo tồn thiên nhiên trong giai đoạn vừa qua. Tuy nhiên có thể thấy rằng, nội dung những quyết định nói trên của Nhà nước mới chỉ là cơ sở để định hướng cho việc triển khai các nhiệm vụ xây dựng, quản lý cụ thể và cũng chú ý nhiều hơn tới phân tài nguyên rừng trên đất liền. Điều này thể hiện cả ở những phần nói về đầu tư xây dựng cơ bản, chủ yếu mới chỉ xác định các nhiệm vụ bảo vệ tài nguyên rừng trên đảo. Nội dung phân bảo tồn thiên nhiên biển trong các quyết định, ngoài những quy định chung về diện tích biển thuộc khu bảo vệ nghiêm

ngặt (278 ha), khu phục hồi sinh thái (5.098 ha), độ rộng của vùng đệm (từ 1 km tới 3 km từ ranh giới vườn), khu nghiên cứu nuôi động vật biển (10 ha), chưa xác định rõ ràng, chi tiết hơn về các đối tượng cụ thể cần bảo vệ, phục hồi giới hạn cần thiết và ý nghĩa của các phân khu chức năng, giá trị và khả năng, phạm vi sử dụng của từng khu, đều rất cần thiết cho việc đề xuất các phương án, biện pháp sử dụng, quản lý thích hợp, có hiệu quả khu bảo tồn. Rõ ràng việc xây dựng một luận chứng kỹ thuật với mục tiêu nói trên cho khu bảo tồn thiên nhiên Cát Bà, đặc biệt là với phần biển, để hướng dẫn cho kế hoạch hành động, thực hiện đầy đủ, có kết quả các nhiệm vụ của Nhà nước giao đối với các phân tài nguyên, môi trường rừng núi và phần biển là rất cần thiết.

Khu vực biển Cát Bà và mở rộng tới cả khu vực biển Hạ Long ở gần cạnh, theo những kết quả khảo sát gần đây về mặt đa dạng sinh học và cảnh quan sinh thái, có thể coi là đại diện cho vùng biển ven bờ phía bắc, với đặc điểm điều kiện tự nhiên cũng như đặc trưng sinh học khác với vùng biển phía nam, với độ phong phú về thành phần loài sinh vật cả dưới biển và rừng trên đảo. Cũng qua khảo sát, đã thấy dấu hiệu giảm sút của một số thành phần sinh vật biển tiêu biểu cho vùng biển phía bắc nước ta. Tình hình này đặt ra yêu cầu cần có kế hoạch hành động kịp thời, phù hợp với đặc điểm thiên nhiên cũng như điều kiện kinh tế xã hội ở khu vực này, để ngăn chặn chiều hướng suy thoái, bảo vệ đa dạng sinh học, bảo đảm sự phát triển lâu bền của một vùng thiên nhiên biển có ý nghĩa quốc gia của nước ta. Tâm quan trọng này của khu bảo tồn thiên nhiên biển Cát Bà đã được Tổ chức quốc tế về bảo tồn thiên nhiên (IUCN - CNPPA) thừa nhận trong các tài liệu tổng quan về các khu bảo tồn thiên nhiên biển thế giới mới được công bố gần đây. (IUCN, WB, 1995).

Việc xây dựng luận chứng kinh tế khoa học kỹ thuật cho việc sử dụng, bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên Cát Bà làm cơ sở cho kế hoạch hành động không chỉ là yêu cầu cần thiết đối với nhiệm vụ bảo tồn thiên nhiên. Với những ưu thế về đa dạng sinh học biển, cảnh quan thiên nhiên và những lợi thế khác về du lịch biển, những công trình nghiên cứu đánh giá tài nguyên du lịch biển gần đây (Đề tài KT.03.18) đã đề xuất ý kiến và được chấp nhận trong quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch nước ta cho tới năm 2010, coi khu vực Cát Bà - Hạ Long - Đồ Sơn là 1 trong 7 khu vực ưu tiên đầu tư phát triển du lịch ở Việt Nam. Xét về bối cảnh du lịch biển của vùng Đông Nam Á, Cát Bà - Hạ Long - cùng với Vịnh Văn Phong có tiềm năng du lịch biển nếu được đầu tư phát triển có thể có điều kiện để cạnh tranh với các điểm du lịch biển nổi tiếng khác trong khu vực như PhúKét, Pataya (Thái Lan), Bali (Indônêsi), Seba (Philippin), Penang (Malaisia). Đây cũng là ý kiến đánh giá của nhiều chuyên gia tổ chức du lịch thế giới. Vì vậy, xây dựng luận chứng khoa học kỹ thuật hướng dẫn cho việc sử dụng có hiệu quả cao khu vực biển Cát Bà vào mục đích du lịch và bảo đảm sự phát triển an toàn, lâu bền cho khu du lịch đó, cũng là yêu cầu cấp thiết cho giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội nói chung và du lịch biển nói riêng ở nước ta.

Hiện nay, vấn đề bảo tồn thiên nhiên biển đang nổi lên như một yêu cầu cấp bách đặt ra trên toàn thế giới, sau một thời gian dài ít được chú ý như bảo tồn thiên nhiên trên đất liền. Nhiều tổ chức quốc tế như IUCN, MAB, UNEP, WB, TROMES,... đang tăng cường hoạt động, chú trọng đầu tư nhiều hơn vào nhiệm vụ này, đặc biệt là đối với vùng biển nhiệt đới Tây Châu Á. Việc xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên biển ở nước ta, trong đó có Cát Bà, cũng có ý nghĩa hoà nhập vào cộng đồng quốc tế, góp phần xây